

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067200203 - V k thu t c ấ ng tr ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041924	36CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng Anh	04/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671041608	36CCĐ5	Tr ng M nh C ng	11/01/1994				10.0			10.0	3.0	5.2	3.6	6.6	
3	3671041880	36CCĐ5	Nguy n V ấ Nh Ch t	01/01/1993				10.0			10.0	3.0	4.0	2.8	5.8	
4	3671041835	36CCĐ5	Tr ng ấ nh B o Duy	05/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3671041927	36CCĐ5	Cao V ấ Nh D ấ o g	14/07/1993				8.4			8.4	2.5	5.1	3.6	6.1	
6	3671041892	36CCĐ5	H ấ V ấ Nh D ấ o g	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671041899	36CCĐ5	Nguy n Ti n D ấ o g	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671041904	36CCĐ5	Tr n Qu c D ấ o g	06/08/1994				8.1			8.1	2.4	4.6	3.2	5.7	
9	3671042018	36CCĐ5	Tr n Xu ấ n D ng	08/02/1993				9.0			9.0	2.7	5.3	3.7	6.4	
10	3671041659	36CCĐ5	Hoàng ấ t	25/09/1993				6.8			6.8	2.0	5.6	3.9	6.0	
11	3671041932	36CCĐ5	Hoàng Minh H i	12/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3671041971	36CCĐ5	Nguy n Th ấ nh Hi u	11/10/1992				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
13	3671041673	36CCĐ5	Hu nh Quang Hi u	23/04/1994				7.7			7.7	2.3	4.7	3.3	5.6	
14	3671041923	36CCĐ5	Nguy n V ấ Nh Hi u	02/06/1994				8.5			8.5	2.6	4.9	3.4	6.0	
15	3671041929	36CCĐ5	Tr n Trung Hi u	11/11/1994				9.3			9.3	2.8	5.8	4.1	6.9	N HP
16	3671041831	36CCĐ5	Hu nh Xu ấ n Hoàng	31/01/1994				10.0			10.0	3.0	7.6	5.3	8.3	
17	3671041656	36CCĐ5	L ấ B o Huy	11/06/1994				10.0			10.0	3.0	7.4	5.2	8.2	
18	3671041926	36CCĐ5	Nguy n Ph c Huy	16/05/1994				8.4			8.4	2.5	5.8	4.1	6.6	
19	3671041657	36CCĐ5	Nguy n Tr ng Ki ấ n	16/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067200203 - V k thu t ấ ng tr ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041625	36CCĐ5	H Th	Ki t	22/12/1993				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
21	3671041888	36CCĐ5	L ² V ấ	Khanh	12/07/1993				7.6			7.6	2.3	5.4	3.8	6.1	
22	3671041579	36CCĐ5	H ấ ng ấ nh	Linh	30/08/1994				10.0			10.0	3.0	3.3	2.3	5.3	
23	3671042045	36CCĐ5	X ấ nh Ph i	Linh	10/11/1993				6.7			6.7	2.0	3.4	2.4	4.4	
24	3671041560	36CCĐ5	L u V ấ	Long	01/01/1994				7.1			7.1	2.1	6.2	4.3	6.5	
25	3671041890	36CCĐ5	Lê Hoàng	Lu t	15/11/1985				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
26	3671041843	36CCĐ5	H ấ y nh	Pháp	24/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671041679	36CCĐ5	B ấ i L ² Tu n	Phong	07/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ng	Quang	10/09/1994				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
29	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh	Quân	21/03/1994				9.2			9.2	2.8	5.4	3.8	6.5	
30	3671041885	36CCĐ5	Tô Minh	Quí	07/12/1994				7.8			7.8	2.3	5.0	3.5	5.8	
31	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sang	06/06/1992				7.9			7.9	2.4	4.3	3.0	5.4	
32	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sinh	25/09/1994				7.7			7.7	2.3	4.8	3.4	5.7	
33	3671041642	36CCĐ5	ấ ấ m V ấ	S n	01/02/1994				9.6			9.6	2.9	7.0	4.9	7.8	
34	3671041856	36CCĐ5	Hoàng Minh	Tài	20/08/1994				8.6			8.6	2.6	3.9	2.7	5.3	
35	3671042031	36CCĐ5	L ² Nh t	Tân	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3671041569	36CCĐ5	ấ ng H u	Ti n	07/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3671041830	36CCĐ5	D ng Ng c	Ti n	16/10/1994				8.6			8.6	2.6	3.5	2.5	5.0	
38	3671041621	36CCĐ5	L ng Anh	Ti n	02/04/1994				7.3			7.3	2.2	5.8	4.1	6.3	

Kh¹a h c :	L p h c : 36CCĐ5	N¹m h c : 2012-2013	ñ VHT : 2
H ñT :	H c ph n : 122067200203 - V k thu t c»ng trnh	H c km : HK02	(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ TớN	NGÀY SINH	ấI M THĩ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
40	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tuân	10/07/1992				9.6			9.6	2.9	8.4	5.9	8.8	
41	3671041628	36CCĐ5	Phan Anh	Tu n	04/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho@ng	Tú	12/02/1994				5.6			5.6	1.7	0.0	0.0	1.7	
44	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C»ng	Thành	23/11/1993				6.8			6.8	2.0	4.6	3.2	5.3	
45	3671041901	36CCĐ5	ấ ng B"	Thi	06/09/1994				10.0			10.0	3.0	5.0	3.5	6.5	
46	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch´	Thi n	04/05/1994				7.7			7.7	2.3	4.9	3.4	5.7	
47	3671041622	36CCĐ5	L² Qu c	Th nh	26/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
48	3671041639	36CCĐ5	L² Ng c	Thông	28/10/1994				8.1			8.1	2.4	5.2	3.6	6.1	N HP
49	3671041837	36CCĐ5	V ng Huuñh	Tri u	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
50	3671041574	36CCĐ5	Nguy n Hçng Gia	Uy	22/11/1994				8.4			8.4	2.5	5.3	3.7	6.2	
51	3671041985	36CCĐ5	Võ Thành	Uyên	10/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671041571	36CCĐ5	Tô Thái	Vi n	14/08/1994				8.6			8.6	2.6	7.9	5.5	8.1	
53	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	Vi t	30/03/1994				8.6			8.6	2.6	6.8	4.8	7.3	
54	3671041893	36CCĐ5	V½VNh	Vinh	08/03/1993				7.8			7.8	2.3	6.4	4.5	6.8	
55	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	VHO	17/03/1992				7.9			7.9	2.4	6.3	4.4	6.8	
56	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				7.4			7.4	2.2	1.5	1.1	3.3	N HP

T ng s : 56 h c sinh sinh vi²n

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Tp.HCM, ngày / /

Gi" o V Khoa